TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 112/2026/QĐST-HNGĐ	*Bắc Ninh, ngày 25 tháng 05 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 237/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 05 năm 2026, giữa:

- Chị Vi Thị N, sinh ngày 06 tháng 04 năm 1991; căn cước công dân số 024191018507; địa chỉ: thôn R, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

- Anh Lăng Văn M, sinh ngày 20 tháng 06 năm 1991; căn cước công dân số: 024091009964; địa chỉ: thôn R, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 05 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 05 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vi Thị N và anh Lăng Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cho anh Lăng Văn M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lăng Hải Q, sinh ngày 16/9/2011 và Lăng Nguyên B, sinh

ngày 25/12/2016 cho khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

2.2.Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con, không ai được cản trở.

2.3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vi Thị N và anh Lăng Văn M không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

2.4. Về tài sản và công nợ chung: Các bên đương sự đều không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

2.5. Án phí: Chị Vi Thị N chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu số: 0004215 ngày 12 tháng 05 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả chị Vi Thị N số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã B;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Huân